

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN THUỐC TIÊM ĐA LIỀU - ĐƠN LIỀU

Thực hành tiêm không an toàn, bao gồm việc sử dụng kim tiêm, bơm tiêm hoặc sử dụng không đúng cách một lọ thuốc cho nhiều BN đã gây ra nhiều đợt bùng phát nhiễm trùng do vi khuẩn và virus qua đường máu. Việc không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa chuẩn và các kỹ thuật vô trùng cũng có liên quan đến một số đợt bùng phát nhiễm trùng liên quan đến thuốc đa liều. Theo Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC), ít nhất 26 sự cố liên quan đến việc sử dụng không đúng cách thuốc đơn liều trong các cơ sở ngoại trú đã xảy ra trong khoảng thời gian 5 năm, dẫn đến nguy cơ phơi nhiễm của hơn 95.000 BN với các bệnh truyền nhiễm [1].

Mỗi bệnh viện và hệ thống y tế phải cân nhắc sử dụng thuốc đa liều hay thuốc đơn liều dựa trên hai yếu tố: giảm chi phí và an toàn cho BN. Các cơ sở y tế thường cho rằng việc sử dụng thuốc đa liều vì mục đích kinh tế, chi phí mỗi liều thuốc và chi phí bảo quản thường thấp hơn so với thuốc tiêm đơn liều. Tuy nhiên, tổng chi phí của việc dùng thuốc tiêm thì khó ước tính hơn nhiều, vì có thể bao gồm chi phí điều trị cho các BN bị nhiễm khuẩn chéo hoặc các BN bị nhiễm trùng bệnh viện thứ phát do sử dụng và lãng phí thuốc tiêm đa liều [2].

Theo Dược điển Mỹ (The United States Pharmacopeia - USP), thuốc tiêm đa liều (multiple - dose vial - MDV), hạn sử dụng của thuốc, thuốc tiêm đơn liều (single - dose vial - SDV) và hạn sử dụng của thuốc sau khi mở nắp được định nghĩa như sau [3]:

- *Thuốc tiêm đơn liều*: là vật chứa một đơn vị chế phẩm thuốc dùng theo đường tiêm, được thiết kế để chỉ dùng 1 lần. Ví dụ lọ chứa thuốc tiêm đơn liều: bút tiêm đóng sẵn thuốc tiêm 1 lần. USP lưu ý rằng: "các lọ chứa thuốc tiêm đơn liều đã được mở ra hoặc chọc kim tiêm như ống tiêm, túi, chai lọ, xi lanh và các lọ chứa sản phẩm vô khuẩn...nên được sử dụng trong vòng 1 giờ nếu chúng được mở ra trong điều kiện chất lượng môi trường thấp hơn tiêu chuẩn ISO cấp 5 (phòng được pha chế thuốc IV) và phần thuốc còn dư phải bỏ đi. Các lọ thuốc và xi lanh (bơm tiêm) chứa thuốc không nên bảo quản để sử dụng tiếp.

- *Hạn sử dụng của thuốc*: là khoảng thời gian được ấn định cho một thuốc mà trong thời gian này thuốc được bảo quản trong điều kiện quy định phải đảm bảo đạt chất lượng theo tiêu chuẩn dược điển.

- *Thuốc tiêm đa liều*: là một vật chứa đa đơn vị (ví dụ như chai lọ) chế phẩm thuốc chỉ dùng theo đường tiêm và thường chứa chất bảo quản chống vi sinh vật. Bình (lọ) chứa thuốc đa liều được thiết kế để có thể rút thuốc nhiều lần khác nhau nhờ có chứa chất bảo quản chống vi sinh vật.

- *Hạn sử dụng sau mở nắp*: Nếu không có hướng dẫn đặc biệt của nhà sản xuất (ghi rõ hạn sử dụng sau khi mở nắp là bao nhiêu) thì USP định nghĩa hạn sử dụng của thuốc sau khi mở nắp là 28 ngày kể từ ngày vật chứa thuốc tiêm đa liều lần đầu tiên được mở (ví dụ

như chọc kim tiêm). Mọi thuốc tiêm đa liều nên được dán nhãn ngày hết hạn của nó. Cần lưu ý phân biệt giữa hạn sử dụng của thuốc khi còn nguyên và hạn sử dụng sau khi mở nắp.

Ngoài ra còn có các bình dạng bình xịt đa liều (dạng hít), lọ thuốc đa liều nhỏ mắt, lọ dùng ngoài da đa liều, lọ bột thuốc đa liều (đường uống sau khi pha với dung dịch)... Các loại thuốc đa liều này được hiểu là chứa nhiều liều trong một vật (bình, chai, lọ, ống.v.v.) chứa thuốc.

Các thuốc đa liều sử dụng tại Bệnh viện được tổng hợp trong bảng dưới đây [4]:

T T	Hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	ĐVT	Ghi chú
1	Acid Fusidic	Fucidin	2%/15g	Kem	Tuýp	
2	Acid fusidic + Betamethason	Befucid	(400mg + 20mg)/20g	Kem bôi da	Tuýp	
3	Acyclovir	Acyclovir 5%	500mg	Kem bôi da	Tuýp	Không dùng thuốc quá 30 ngày kể từ khi mở nắp lần đầu.
4	Adapalen	Diffeton	0,1%/15g	Gel bôi da	Tuýp	
5	Atropin sulfat	Uni-Atropin	5mg/0,5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Ống	Hạn dùng 7 ngày sau khi mở nắp.
6	Azithromycin	Zitromax	600mg/15ml	Bột pha hỗn dịch uống	Lọ	5 ngày đối với thuốc đã pha.
7	Betamethason	Betamethason	Betamethason dipropionat 19,2mg/30g	Gel bôi da	Tuýp	Không dùng thuốc quá 30 ngày kể từ khi mở nắp lần đầu.
8	Betamethason	Asbesone	0,5mg/g, 30g	Kem bôi ngoài da	Tuýp	
9	Brimonidine tartrate + Timolol	Combigan	(10mg + 25mg)/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Không dùng thuốc quá 4 tuần sau khi mở nắp.
10	Budesonid + formoterol	Aerofor 200 Hfa	(Budesonid 200mcg + formoterol fumarate 6mcg)/liều x 120 liều	Ống hít qua đường miệng	ống	
11	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Symbicort Turbuhaler	(160mcg+4,5mcg)/liều x 60 liều	Thuốc bột để hít	Ống	

T T	Hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	ĐVT	Ghi chú
1 2	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Symbicort Turbuhaler	(160mcg+4,5mcg) /liều x 120 liều	Thuốc bột để hít	Ống	
1 3	Budesonide	Benita	64mcg/0,05ml; Lọ 150 liều	Hỗn dịch xịt mũi	Lọ	
1 4	Calcipotriol	Daivonex	1500mcg/30g	Thuốc mỡ	Tuýp	Hạn dùng sau mở nắp: 6 tháng.
1 5	Calcipotriol	Cipostril	1,5mg/30g	Thuốc mỡ bôi da	Tuýp	
1 6	Calcipotriol + Betamethason dipropionat	Daivobet	(Calcipotriol 750mcg + betamethason 7,5mg)/15g	Thuốc mỡ	Tuýp	Có thể dùng sau khi mở ống thuốc 24 tháng.
1 7	Capsaicin	Capsicin gel 0,05%	0,05g/100g	Gel bôi da	Tuýp	
1 8	Cefaclor	Ceclor	125mg/ 5ml x 60ml	Cốm pha hỗn dịch uống	Lọ	
1 9	Cefuroxim	Zinnat Suspension	1250 mg	Cốm pha huyền dịch uống	Chai	
2 0	Ciclopirox olamin	Pirolam	200 mg/20g	Gel	Tuýp	
2 1	Ciclopirox olamine	Atsirox	200mg/20g	Kem bôi da	Tuýp	
2 2	Ciclosporin	Sandimmun Neoral	100mg/ml x 50ml	Dung dịch uống	Chai	
2 3	Clarithromycin	Klacid	125mg/5ml x 60ml	Cốm pha hỗn dịch uống	Lọ	Hỗn dịch đã pha có thể sử dụng trong 14 ngày ở nhiệt độ phòng (15-30°C) trong chai nút kín. Không để dung dịch đã pha trong tủ lạnh.
2 4	Clobetasol propionat	Betaclo	0,5mg/g x 10g	Kem bôi ngoài da	Tuýp	
2 5	Clotrimazol	Camisept	100mg/200ml	Dung dịch dùng ngoài	Lọ	

T T	Hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	ĐVT	Ghi chú
2 6	Clotrimazol + betamethason	Lobetasol	(Clotrimazol 100mg + Betamethason dipropionat 6,4mg)/10g	Kem bôi da	Tuýp	
2 7	Desflurane	Suprane	100% x 240ml	Chất lỏng dễ bay hơi dùng gây mê đường hô hấp	Chai	Đậy kín nút chai sau mỗi lần sử dụng.
2 8	Dexamethason + Neomycin + Polymyxin B sulfat	Mepoly	(10mg + 35mg + 100.000IU)/10ml	Dung dịch nhỏ mắt, mũi, tai	Lọ	Sử dụng thuốc trong vòng 30 ngày sau khi mở nắp lần đầu.
2 9	Dexamethason + Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat	Maxitrol	(1mg + 3500IU + 6000IU)/ml; 5ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	Không dùng sau khi mở nắp lọ lần đầu 28 ngày.
3 0	Dexamethason + Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat	Maxitrol	(1mg + 3500IU + 6000IU)/gram; 3,5g	Thuốc mỡ tra mắt	Tuýp	Không dùng sau khi mở nắp tuýp thuốc lần đầu 28 ngày.
3 1	Diclofenac diethylamine	Voltaren Emulgel	1,16g/100g x 20g	Gel bôi ngoài da	Tuýp	Không dùng thuốc quá hạn dùng được ghi trên bao bì.
3 2	Fluticason furoat	Avamys	27,5 mcg/ liều xịt x 120 liều	Hỗn dịch xịt mũi	Bình	
3 3	Fluticason propionat	Flixonase	0,05% (w/w)	Hỗn dịch xịt mũi	Chai	
3 4	Fosfomycin	Fosmitic	Fosfomycin natri 150mg/5ml	Dung dịch nhỏ tai	Lọ	
3 5	Fusidic acid	Bifudin	20mg/1g x 15g	Kem	Tuýp	
3 6	Fusidic acid + Betamethason	Fucicort	(2% + 0,1%) x 15g	Kem	Tuýp	
3 7	Fusidic acid + hydrocortison	Fucidin H	(Acid Fusidic 2% + Hydrocortison acetat 1%)/15g	Kem	Tuýp	
3 8	Fusidic acid + hydrocortison	Pesancidin- H	(Fusidic acid 2% + Hydrocortison	Kem bôi da	Tuýp	Nên sử dụng thuốc trong vòng 30 ngày sau khi mở nắp tuýp.

T T	Hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	ĐVT	Ghi chú
			dạng muối 1%)/10g			
3 9	Indomethacin	Indocollyre	0,1%	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	
4 0	Insulin aspart (rDNA)	Novorapid FlexPen	300U/3ml	Dung dịch tiêm	Bút tiêm	Trong khi sử dụng hoặc mang theo dự phòng, sử dụng trong vòng 4 tuần. Bảo quản dưới 30°C. Có thể bảo quản trong tủ lạnh (2°C-8°C).
4 1	Insulin aspart biphasic (rDNA)	NovoMix 30 FlexPen	300U/3ml (insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70)	Hỗn dịch tiêm	Bút tiêm	Khi đang sử dụng hạn dùng là 4 tuần (ở nhiệt độ dưới 30°C).
4 2	Insulin degludec	Tresiba FlexTouch 100U/ml	10,98mg/3ml	Dung dịch tiêm	Bút tiêm	Sau khi mở lần đầu hoặc mang theo dự phòng, sản phẩm có thể được bảo quản tối đa 8 tuần. Không bảo quản trên 30°C. Có thể bảo quản trong tủ lạnh (2°C-8°C).
4 3	Insulin degludec + Insulin aspart	Ryzodeg FlexTouch 100U/ml	(7,68mg + 3,15mg)/3ml	Dung dịch tiêm	Bút tiêm	Sau khi mở lần đầu hoặc mang theo dự phòng, sản phẩm có thể được bảo quản tối đa 4 tuần. Không bảo quản trên 30°C. Có thể bảo quản trong tủ lạnh (2°C-8°C).
4 4	Insulin glargine	Basaglar	300U/3ml	Dung dịch tiêm	Bút tiêm	28 ngày kể từ khi sử dụng liều đầu tiên.
4 5	Insulin glargine	Lantus Solostar	300 đơn vị/3ml	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Bút tiêm	Sau lần sử dụng đầu tiên, bảo quản tối đa 4 tuần trong điều kiện thường dưới 25°C.
4 6	Insulin glargine	Toujeo Solostar	450UI/1,5ml	Dung dịch tiêm	Bút tiêm	Sau lần sử dụng đầu tiên, bảo quản tối đa 6

T T	Hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	ĐVT	Ghi chú
						tuần ở nhiệt độ không quá 30°C.
4 7	Insulin glulisine	Apidra Solostar	300 đơn vị/3ml	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Bút tiêm	Sau lần sử dụng đầu tiên, bảo quản tối đa 4 tuần trong điều kiện thường dưới 25°C.
4 8	Insulin human (recombinant) (30% soluble insulin neutral và 70% isophane insulin)	Wosulin 30/70	300UI/3ml	Dung dịch tiêm	Bút tiêm	Khi sử dụng, lọ có thể để ở nhiệt độ phòng (15-25°C) đến 4 tuần.
4 9	Insulin human (recombinant) (30% soluble insulin neutral và 70% isophane insulin)	Wosulin 30/70	100IU/ml, 3ml	Dung dịch tiêm	Ống	Khi sử dụng, lọ có thể để ở nhiệt độ phòng (15-25°C) đến 4 tuần.
5 0	Insulin lispro	Humalog Kwikpen	300U/3ml (tương đương 10,5mg)	Dung dịch tiêm	Bút tiêm	
5 1	Insulin lispro	Humalog Mix 50/50 Kwikpen	300U (50% insulin lispro và 50% insulin lispro protamine)/3ml	Hỗn dịch tiêm	Bút tiêm	Sau khi sử dụng lần đầu 28 ngày (Bảo quản dưới 30°C. Không để trong tủ lạnh. Không bảo quản bút tiêm bơm sẵn khi có gắn kim tiêm).
5 2	Insulin lispro	Humalog Mix 75/25 Kwikpen	300U (25% insulin lispro và 75% insulin lispro protamine)/ 3ml	Hỗn dịch tiêm	Bút tiêm	Sau khi sử dụng lần đầu 28 ngày (Bảo quản dưới 30°C. Không để trong tủ lạnh. Không bảo quản bút tiêm bơm sẵn khi có gắn kim tiêm).
5 3	Ipratropium bromid khan + Fenoterol Hydrobromid	Berodual	(0,02mg + 0,05mg)/nhát xịt x 200 nhát xịt	Dung dịch khí dung qua bình xịt định liều	Bình	

T T	Hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	ĐVT	Ghi chú
5 4	Ketoprofen	Fastum Gel	2,5%/30g	Gel bôi ngoài da	Tuýp	
5 5	Ketorolac tromethamine	Acular	Ketorolac tromethamine 0,5% x 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Không dùng quá 28 ngày sau khi mở.
5 6	Lactulose	Duphalac	10g/15ml x 200ml	Dung dịch uống	Chai	
5 7	Levofloxacin hydrat	Cravit 1.5%	75mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Hủy bỏ thuốc sau khi mở 1 tháng.
5 8	Levofloxacin hydrat	Cravit	25mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Hủy bỏ thuốc sau khi mở 1 tháng.
5 9	Lidocain hydroclorid khan	Xylocaine Jelly	2%/30g	Gel	Tuýp	28 ngày kể từ khi mở nắp, dưới điều kiện bảo quản bình thường của thuốc.
6 0	Miconazole	Vadikiddy	2%/10g	Gel rơ miệng họng	Tuýp	
6 1	Mometason furoat	Thazolxen	0,1%/5g	Kem bôi ngoài da	Tuýp	
6 2	Mometasone furoate	Nasonex	50mcg/nhát xịt x 60 liều	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp	
6 3	Mometasone furoate	Adacast	50mcg/liều x 120 liều	Hỗn dịch xịt mũi	Lọ	
6 4	Moxifloxacin	Vigamox	25mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Không dùng sau khi mở nắp lọ 28 ngày.
6 5	Mupirocin	Bacterocin Oint	20mg/g; 5g	Thuốc mỡ	Tuýp	
6 6	Naphazolin	Naphazolin	Naphazolin nitrat 0,05%/5ml	Dung dịch nhỏ mũi	Lọ	
6 7	Natri carboxymethylcel lulose + Glycerin	Optive	(5mg/ml + 9mg/ml) x 15ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Hủy bỏ phần thuốc không dùng 4 tuần sau khi mở nắp.
6 8	Natri diquafozol	Diquas	150mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Sử dụng trong vòng 1 tháng sau khi mở nắp.
6 9	Natri hyaluronat	Sanlein 0.3	15mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Hủy bỏ thuốc sau khi mở 1 tháng.
7 0	Natri hyaluronat	Sanlein 0,1	5mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Hủy bỏ thuốc sau khi mở 1 tháng.

T T	Hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	ĐVT	Ghi chú
7 1	Nepafenac	Nevanac	5mg/5ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	Không dùng sau khi mở nắp lọ lần đầu 28 ngày.
7 2	Ofloxacin	Oflovid ophthalmic ointment	0,3%/3,5g	Thuốc mỡ tra mắt	Tuýp	Ngày hết hạn được ghi trên nhãn và hộp thuốc.
7 3	Ofloxacin	Oflovid	15mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Hủy bỏ thuốc sau khi mở 1 tháng.
7 4	Ofloxacin	Ofloxacin 0,3%	15mg/ 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Sau khi mở nắp lọ lần đầu, không nên dùng lọ thuốc này lâu hơn 4 tuần.
7 5	Olopatadine hydrochloride	Pataday	0,2%/2,5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Chai	Bảo quản 2-25°C.
7 6	Phospholipid chi ết từ phổi lợn	Curosurf	120mg/1,5ml	Hỗn dịch bơm ống nội khí quản	Lọ	
7 7	Phytomenadion (vitamin K1)	Phytok	40mg/2ml	Nhũ tương uống dạng nhỏ giọt	Ống	Hạn sử dụng sau mở nắp là 35 ngày ở điều kiện không quá 30°C.
7 8	Pirenoxin	Kary Uni	0,25mg/5ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	Hủy bỏ thuốc sau khi mở 1 tháng.
7 9	Polyethylene glycol 400 + Propylen glycol	Systane Ultra	(0,4% + 0,3%) x 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Không dùng sau khi mở nắp lọ lần đầu 1 tháng.
8 0	Povidon iod	Povidone Iodine 10%	10%/140ml	Dung dịch dùng ngoài	Chai	
8 1	Povidon iodin	Povidon Iodin 10%	10%/2000ml	Dung dịch dùng ngoài	Chai	
8 2	Povidon iodin	Povidone 10%	10%/120ml	Dung dịch dùng ngoài	Lọ	
8 3	Povidon Iodin	Povidone	10%/1100ml	Dung dịch dùng ngoài	Chai	
8 4	Prednisolone sodium phosphate	Adelone	1%/5ml (10mg/ml)	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	

T T	Hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	ĐVT	Ghi chú
8 5	Rifamycin	Rifado	200.000IU/10ml	Dung dịch nhỏ tai	Lọ	
8 6	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Ventolin Inhaler	100mcg/liều xịt x 200 liều	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Bình xịt	
8 7	Salicylic acid + betamethason dipropionat	Besalicyd	(3% + 0,05%)/15g	Thuốc mỡ bôi da	Tuýp	
8 8	Salicylic acid + betamethason dipropionat	Qbisalic	(3% + 0,064%)/15g	Mỡ bôi da	Tuýp	
8 9	Salmeterol + fluticason propionat	Seretide Accuhaler 50/250mcg	(50mcg + 250mcg)/liều x 60liều	Bột hít phân liều	Hộp (1 bình hít)	
9 0	Salmeterol + fluticason propionat	Seretide Accuhaler 50/500mcg	(50mcg + 500mcg)/liều x 60 liều	Bột hít phân liều	Hộp (1 bình hít)	
9 1	Salmeterol + fluticason propionat	Combiwave SF 250	(0,025mg + 0,25mg)/ liều x 120 liều	Thuốc hít định liều dạng khí dung	Bình	
9 2	Salmeterol; Fluticason propionate	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg	(25mcg+250mcg)/ liều x 120 liều	Thuốc phun mù định liều hệ hỗn dịch	Bình xịt	
9 3	Salmeterol; Fluticasone propionate	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	(25mcg+125mcg)/ liều x 120liều	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Bình xịt	
9 4	Sevofluran	Sevorane	250ml	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Chai	

T T	Hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	ĐVT	Ghi chú
9 5	Sevoflurane	Sevoflurane	100% x 250 ml	Chất lỏng dễ bay hơi dùng gây mê đường hô hấp	Chai	Đậy kín nút chai sau mỗi lần sử dụng.
9 6	Simethicone	Espumisan L	1200mg/30ml	Nhũ dịch uống	Lọ	sau khi mở nắp, có thể dùng trong thời gian 6 tháng.
9 7	Sodium Carboxymethyl cellulose	Refresh Tears	75mg/15ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Không dùng quá 4 tuần sau khi mở.
9 8	Sorbitol	Sorbitol 3%	3%/5 lít	Dung dịch rửa nội soi bàng quang	Can	
9 9	Tacrolimus	Tacrolim 0,03%	0,3mg/1g x 10g	Thuốc mỡ bôi da	Tuýp	Không sử dụng sau 06 tháng kể từ ngày mở nắp lần đầu.
1 0 0	Tacrolimus	Tacrolim 0,1%	5mg/5g x 10g	Thuốc mỡ bôi da	Tuýp	Không sử dụng sau 06 tháng kể từ ngày mở nắp lần đầu.
1 0 1	Tafluprost	Taflotan	0,0375mg/2,5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Hủy bỏ thuốc sau khi mở 1 tháng.
1 0 2	Terbinafin hydroclorid	Kem Tenafin 1%	Terbinafin hydroclorid 1%/15g	Kem bôi da	Tuýp	
1 0 3	Tiotropium	Spiriva Respimat	0,0025mg/ nhát xịt x 60 nhát xịt	Dung dịch để hít	Hộp	Hạn dùng trong thời gian sử dụng: 90 ngày.
1 0 4	Tobramycin	Tobrex	3mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Không dùng sau khi mở nắp lọ lần đầu 28 ngày.
1 0 5	Tobramycin + Dexamethasone	Tobradex	(3mg + 1mg)/gram x 3,5g	Mỡ tra mắt	Tuýp	Không dùng sau khi mở nắp tuýp lần đầu 28 ngày.
1 0 6	Tobramycin + Dexamethasone	Tobradex	(15mg + 5mg)/5ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	Không dùng sau khi mở nắp tuýp lần đầu 28 ngày.

T T	Hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	ĐVT	Ghi chú
1 0 7	Travoprost	Travatan	0,04mg/ml	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Lọ	Vứt bỏ lọ thuốc sau khi mở nắp lọ lần đầu 1 tháng.
1 0 8	Tropicamid + Phenylephrin hydroclorid	Mydrin-P	50mg/10ml + 50mg/10ml	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	Hủy bỏ thuốc sau khi mở 1 tháng.
1 0 9	Tyrothricin	Tyrosur Gel	5mg/ 5g	Gel bôi ngoài da	Tuýp	Hạn dùng sau khi mở thuốc 3 tháng.
1 1 0	Urea	A.T Urea 20%	20%/20g	Kem bôi da	Tuýp	
1 1 1	Xylometazoline Hydrochloride	Otrivin	5mg/10ml	Dung dịch nhỏ mũi	Lọ	Sau lần mở nắp đầu tiên, chỉ sử dụng 28 ngày.
1 1 2	Xylometazoline Hydrochloride	Otrivin	10mg/10ml	Thuốc xịt mũi có phân liều	Lọ	
Ghi chú: Đối với các chế phẩm được nhà sản xuất cho phép sử dụng nhiều lần, cần ghi ngày mở nắp và dán lên lọ thuốc để kiểm soát hạn dùng sau mở nắp của thuốc. Không sử dụng thuốc khi đã hết hạn mở nắp.						

Tài liệu tham khảo

1. U.S. Food and Drug Administration, Selection of the Appropriate Package Type Terms and Recommendations for Labeling Injectable Medical Products Packaged in Multiple-Dose, Single-Dose, and Single-Patient-Use Containers for Human Use Guidance for Industry.
2. <https://www.drugtopics.com/view/drug-delivery-systems-multiple-vs-single-dose>.
3. U.S. Pharmacopeia National Formulary 2018_ USP 41 NF 36.
4. Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc tại bệnh viện.
5. Injectable drug guide 2011.